CÔNG TY CP VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--------o0o--------

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
((Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CP VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**
Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- **Tên gọi : Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap**
- **Tên tiếng Anh: VINACAP TELECOM ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : VINACAP.,JSC
- Trụ sở : Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 35377989 Fax: (84.4) 35377988
- Website : www.vinacap.vn Email: vinacap@vinacap.vn
- Mã số thuế : 0 1 0 2 3 0 6 4 1 3
- Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh : 156.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 156.000.000.000 đồng
- Logo:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 05 theo số 0102306413 ngày 19 tháng 07 năm 2013 như sau:

Áp mã ngành cho một số ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định tại Thông tư 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện từ) và cáp; - Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;	2733
2	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện: - Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; - Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng;	2710
3	Đại lý, môi giới, đấu giá: - Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh; - Môi giới thương mại;	4610
4	Sản xuất linh kiện điện tử: - Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;	2610
5	Sản xuất thiết bị truyền thông - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông	2630
6	Lắp đặt hệ thống điện: - Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học. - Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;	4321
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7730
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;	4652
9	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
10	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí);	6312
11	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
12	In ấn	1811
13	Sản xuất pin và ắc quy	2720
14	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
15	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản;	6810

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
18	Quảng cáo: - Quảng cáo thương mại;	7310
19	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21	Hoạt động viễn thông khác - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông;	6190
22	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: - Đại lý bảo hiểm	6622
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7490
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: - Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp, vật liệu điện công nghiệp, dân dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
25	Hoạt động viễn thông khác - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông, thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông (*Điều 10, Nghị định 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông)*	6190
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
27	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
30	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và	2710

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	điều khiển điện: - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng	
31	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
32	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
34	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
35	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
36	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất các thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như bánh Sandwich, bánh Pizza; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc, nhân tạo; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng.	1079
37	Cho thuê xe có động cơ: - Cho thuê xe Ô tô từ 4 – 16 chỗ ngồi	7710

Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng từ ngày 05/09/2008.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cáp Vinadaesung. Công ty

liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS - Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp).

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thoả thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thoả thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp – Tiện ích.

Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP. VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng: Sản xuất dây cáp (cáp quang, cáp điện) và thiết bị

điện; Phát triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông; Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông.

Các thành tích

Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần VTĐT VINACAP, công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

- Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng

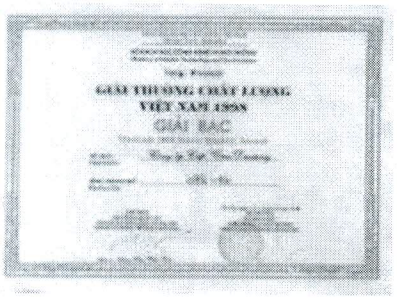
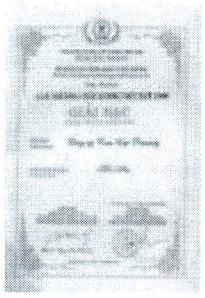
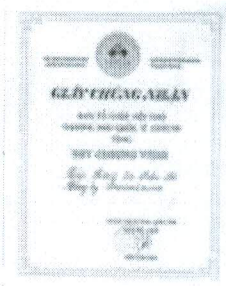

- Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại
- Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba

- Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Uỷ ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.
- Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đòan Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Uỷ ban Nhân dân TP Hà Nội.

- ❖ Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng.
- ❖ Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông
- ❖ Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn.

Năm 2010: Tặng Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước.

Năm 2013, 2014, 2015: Tặng Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Bộ thông tin truyền thông

3. Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và địa bàn hoạt động:

Công ty VINACAP chuyên kinh doanh theo 4 mảng lớn:

(1)	O Điện thoại di động	O 2 sim 2 sóng Avio các loại
(2)	O Thiết bị, vật tư viễn thông, công nghệ thông tin	O Simcard, USB 3G phụ kiện, nguồn, Modem ADSL, Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn…
(3)	O Sản xuất các loại cáp thông tin	O Cáp đồng, cáp quang, Cáp LAN…dây và thiết bị điện…..
(4)	O Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	O Cho mạng viễn thông, trên điện thoại di động.

3.1. Sản xuất

Cáp thông tin các loại : Từ năm 1992 đến nay.

Dây và Cáp điện dân dụng và thiết bị điện : Từ năm 2008 đến nay.

- ❖ Cáp quang, phụ kiện và dây cáp viễn thông sợi đồng

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP tiền thân là công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung, doanh nghiệp đầu tiên sản xuất cáp thông tin sợi đồng và đã chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhiều đơn vị Việt Nam cùng sản xuất.

Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** cũng như mô hình quản lý hiệu quả của Công ty Liên doanh Vinadaesung, trong năm 2007 Công ty tiếp tục hoạt động và đạt mức doanh thu gần 38 tỷ đồng. Trong năm 2007,

cáp thông tin lõi đồng vẫn là sản phẩm duy nhất của Công ty nên tỷ trọng của sản phẩm này chiếm 100% doanh thu của Công ty.

Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Đến tháng 9 năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường, doanh thu của sản phẩm này trong 4 tháng năm 2008 mang lại 28,2 tỷ đồng chiếm 26,4% doanh thu năm 2008. Doanh thu cáp viễn thông sợi đồng cả năm 2008 là 44,3 tỷ chiếm 41,5% doanh thu năm 2008. Tuy nhiên, xu thế thị trường cáp viễn thông sợi đồng ngày càng sụt giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp viễn thông sợi đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống. Sang năm 2010, doanh thu từ cáp quang trong 9 tháng đầu năm đã vượt cả năm 2010 ở mức 83,6 tỷ đồng.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT .... với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

❖ **Dây điện dân dụng, cáp điện và thiết bị điện**

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao, nhưng được thừa hưởng trình độ sản xuất và con người của Công ty Liên doanh Vinadeasung trước đây. Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Hiện nay. Thị trường hiện nay của Công ty bao gồm các tỉnh từ phía Bắc đến Bình Định. Đối với sản phẩm thiết bị điện, Công ty đang tiếp tục phát triển các thiết bị điện: Bóng đèn Compact, tủ điện, linh kiện điện... nhằm trở thành một nhà sản xuất có uy tín về các sản phẩm điện dân dụng.

3.2. Thương mại

Do cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất ngày càng gia tăng nên Công ty định hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động, phát triển mảng thương mại từ năm 2009 đến nay.

❖ **Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới (Simcard, phụ kiện, nguồn, Modem...):**

Đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của tập đoàn VNPT và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với

những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là hướng đi được Tập đoàn chỉ đạo để đầu ra của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn. Do vậy, hoạt động sẽ được mở rộng và ổn định. Khách hàng chính là VDC, Vinaphone, Viễn thông tỉnh, FPT Telecom, Viettel. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2009, và đang tăng mạnh.

❖ **Thiết bị công nghệ thông tin:** Tuy đây là lĩnh vực mới được đi vào hoạt động nhưng đã trở thành lĩnh vực phát triển rất mạnh của VINACAP. Công ty hiện đã và đang đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm **thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin**, ứng dụng để tích hợp dịch vụ di động 2G và 3G như máy điện thoại di động 2 simcard thương hiệu AVIO, máy tính Laptop 3G và tham gia phân phối máy tính HP có sử dụng công nghệ 3G. Công ty hiện là đơn vị dẫn đầu, đột phá trong sản xuất và phân phối các thiết bị đầu cuối viễn thông tích hợp dịch vụ của tập đoàn VNPT. Đây là một thị trường triển vọng và có sự quan tâm hỗ trợ của VNPT cùng các đơn vị thành viên trong tập đoàn như Vinaphone, Mobifone. Trong vòng 9 tháng đầu năm 2010, doanh thu thương mại của các sản phẩm này đạt 346 tỷ đồng chiếm 47% tỷ trọng doanh thu.

❖ **Cung cấp thiết bị viễn thông, thiết bị nguồn: Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn, USB, SIM card....**

❖ **Thi công xây lắp mạng viễn thông: lắp đặt thiết bị nguồn, thiết bị truyền dẫn**

3.3. Địa bàn kinh doanh

Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống đại lý bàn hàng trải rộng trên các tỉnh toàn quốc và bước đầu có hoạt động xuất khẩu sang thị trường một số nước: Myanmar, Phillipine, Campuchia… và các nước khác trên thế giới tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Trụ sở hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP

Địa chỉ : Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại : 04.3827312 - Fax: 04.382722292
Website : www.vinacap.vn

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ : 25/5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

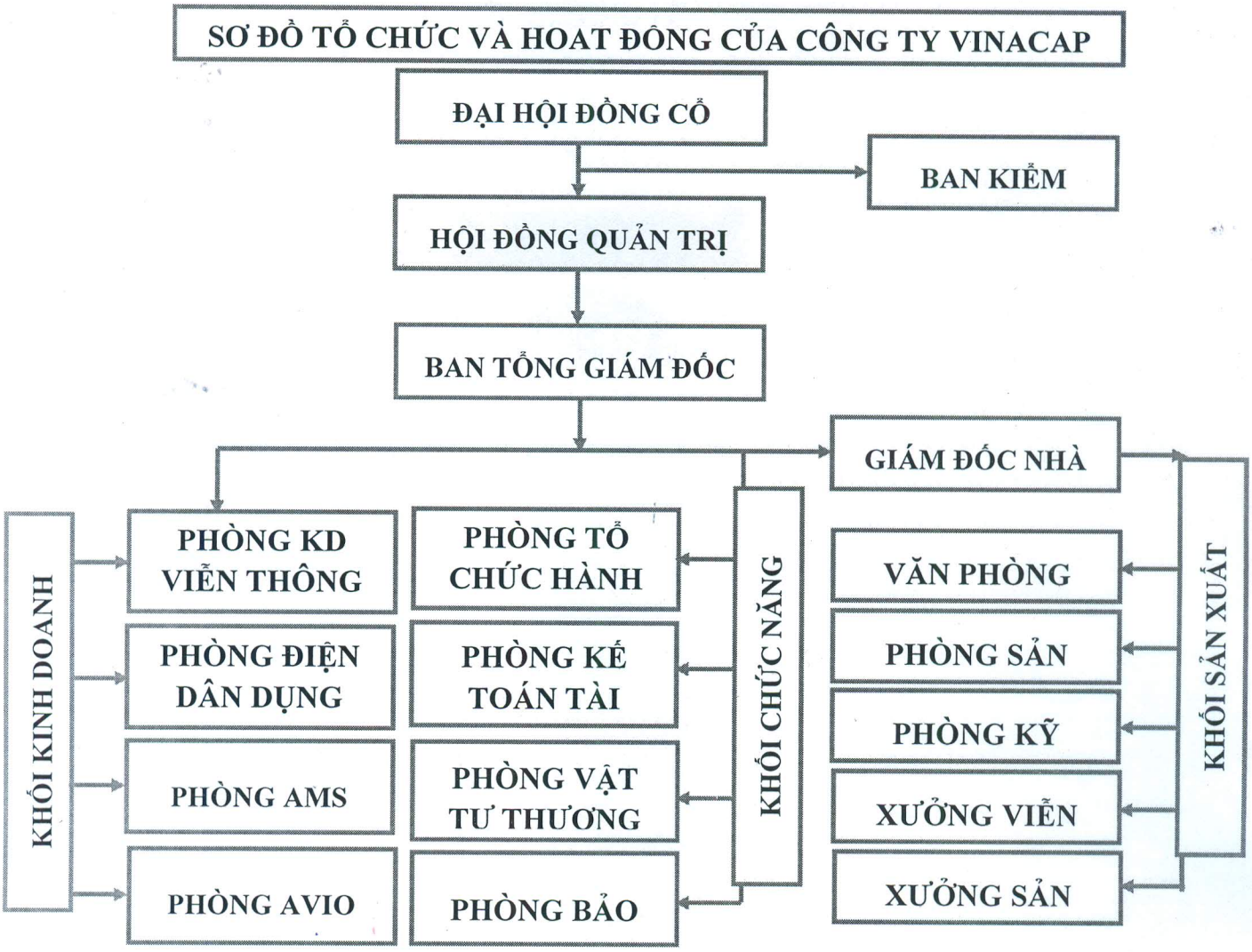

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP ngày 23/07/2007, sửa đổi ngày 14 tháng 5 năm 2010.
- Quy chế Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap ban hành kèm theo Quyết định số 057/10/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 11 năm 2010.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất và quyết định mọi vấn đề lớn của Công ty

- Thông qua Điều lệ, tổ chức hoạt động, phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty.
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 07 thành viên, Ngoài ra công ty có Thư ký công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiễm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy do Tổng giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) với số vốn góp là 49.920.000.000.000 đồng (Bốn mươi chin tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) tương đương 4.992.000 cổ phần chiếm 32% vốn điều lệ.

❖ **VINACAP không có công ty mẹ.**

6. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành
  - Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD
  - Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đâu tư và Công ty
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả cao
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
  - Tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên
  - Có trách nhiệm với xã hội

7. Các rủi ro: *(*Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

7.1. Tăng trưởng kinh tế

Là một yếu tố quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới.

7.2. Lạm phát

Tình hình lạm phát ở nước ta trong thời gian qua có những diễn biến khó lường. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Điều đó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang

có những biến động mạnh.

Tuy nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng có triển vọng phát triển tốt là lực đẩy tốt cho ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực phát triển.

7.3. Rủi ro về luật pháp

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7.4. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu
- Rủi ro tỷ giá
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2015, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định hơn, môi trường tài chính đã có nhiều cải thiện đóng góp tích cực cho hoạt động của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó hoạt động tại Công ty VINACAP có nhiều khởi sắc, đặc biệt là nhu cầu đầu tư bùng nổ cáp quang, cáp viễn thông của Tập đoàn VNPT, các nhà mạng khác. Kết quả đạt như sau:

Đơn vị tính: Trđ

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	% +/-
1	Doanh thu	1.014.343	550.000	923.117	168 %
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	5.865	9.000	10.505	117 %
3	Vốn điều lệ bình quân	156.000	156.000	156.000	
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia	Không chia	Không chia	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015)

1.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	+/- %
1	Tổng tài sản	502.939	364.677	
2	Nợ ngắn hạn	347.937	220.181	
3	Nợ dài hạn	0	0	
4	Vốn chủ sở hữu	155.001	144.496	
	a. Vốn điều lệ	156.000	156.000	
	b. Thặng dư vốn cổ phần	5.044	5.044	
	c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	
	d. Quỹ đầu tư phát triển	7.232	4.821	
	e. Quỹ dự phòng tài chính	2.410	2.410	
	f. Lợi nhuận chưa phân phối	(13.275)	(23.781)	

(Nguồn: Trích Báo cáo tài chính 2015 đã kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Mạnh Thắng	1963	Hà Nội	Thạc sỹ	Chủ tịch HĐQT đến ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015	2,516,800	16,13 %
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT đến ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**2,496,000**	
2	Lê Thanh Sơn	1961	Hà Nội	Cử nhân	Chủ tịch HĐQT từ ngày	1,872,000	12%

				kinh tế	11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015		
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,872,000**	
2	Ngô Hồng Quân	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc	1,616,160	10,36 %
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,560,000**	
	Đỗ Nguyệt Ánh	1972	Hà Nội	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT	634,400	4,07 %
3	**Trong đó đại diện phần vốn của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc:**					624,000	
4	Phạm Ngọc Ninh	1960	Nam Định	Kỹ sư kinh tế thông tin	Ủy viên HĐQT	1,248,000	8,00%
	Trong đó đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần COKYVIA:					**1,248,000**	
5	Trần Xuân Thái	1970	Hà Nội	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT- Phó TGĐ	1,580,800	10,13%
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,560,000**	
6	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	Phó TGĐ	10,400	0,07%
7	Vũ Hồng Hạnh	1974	Thái Bình	Cử nhân	Kế toán trưởng	78,520	0,5 %
8	Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT- Phó TGĐ	10,400	0,07 %
9	Đinh Quang	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	Ủy viên	3,120	0,02 %

	Hữu				HĐQT		
10	Lê Thanh Bình	1963	Thanh Hóa	Thạc sỹ	Trưởng BKS	5,200	0,03 %
11	Nguyễn Mạnh Hà	1959	Tuyên Quang	Thạc sỹ	Thành Viên BKS	11,440	0,07 %
12	Trần Thị Tuyết Mai	1971	Quảng Trị	Cử nhân	Thành Viên BKS	23,920	0,15 %
Tổng cộng						**7,115,160**	**45,61%**

2.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm 07 thành viên:

Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch HĐQT (Thôi tham gia HĐQT Công ty từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015
Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT (Tham gia HĐQT từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015)
Ông Ngô Hồng Quân	Ủy viên HĐQT/Tổng Giám Đốc
Bà Đỗ Nguyệt Ánh	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Ngọc Ninh	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc
Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hữu	Ủy viên HĐQT

2.2. Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Hồng Quân	Ủy viên HĐQT /Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên HĐQT /Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát

Ông Lê Thanh Bình	Trưởng ban (Thôi tham gia BKS Công ty từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015)
Bà Đỗ Thị Kim Liên	Trưởng ban (Tham gia BKS Công ty từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết Mai	Thành viên

2.4. Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Bảng 1. Cơ cấu lao động theo giới tại ngày 31/12/2015

Cơ cấu theo giới		
Giới	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nam	**105**	**77,2%**
Nữ	**31**	**22,8%**
Tổng	136	100%

Bảng 2. Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn tại ngày 31/12/2015

Cơ cấu theo trình độ học vấn		
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học và trên đại học	55	40.44%
Cao đẳng và trung cấp	24	17.65%
Lao động có tay nghề	37	27.21%
Lao động phổ thông	20	14.70%
Tổng	136	100%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không

- Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).
- Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản	502.939,156,024	317,446,304,243	
Doanh thu thuần	923,117,777,759	1,014,343,380,698	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,560,964,396	5,668,243,273	
Lợi nhuận khác	(1,055,073,846)	197,315,873	
Lợi nhuận trước thuế	10,505,890,550	5,865,559,146	
Lợi nhuận sau thuế	10,505,890,550	5,865,559,146	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	Không chia
** Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn**			
1.1	**Bố trí cơ cấu tài sản**			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	= Tài sản dài hạn / Tổng tài sản =	37,916,267,395	47,231,431,953
			502,939,156,024	364,677,736,196
		%	7.54%	12.95%
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	= Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản =	465,022,888,629	317,446,304,243
			502,939,156,024	364,677,736,196
		%	92.46%	87.05%
1.2	**Bố trí cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	= Nợ phải trả =	347,937,186,084	220,181,656,806

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán		Kỳ này	Kỳ trước
		Tổng nguồn vốn		502,939,156,024	364,677,736,196
			%	69.18%	60.38%
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	= Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	=	155,001,969,940	144,496,079,390
	(Hệ số tài trợ)			502,939,156,024	364,677,736,196
			%	30.82%	39.62%
1.3	Tỷ trọng vốn vay và nợ				
	Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	= Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	=	347,937,186,084	220,181,656,806
				502,939,156,024	364,677,736,196
			%	69.18%	60.38%
	Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn	= Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn	=	0	0
				502,939,156,024	364,677,736,196
			%	0.00%	0.00%
	Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu	= Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu	=	0	0
				155,001,969,940	144,496,079,390
			%	0.00%	0.00%
1.4	Tỷ số Nợ phải trả / Vốn cổ phần	= Nợ phải trả / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	=	347,937,186,084	220,181,656,806
				156,000,000,000	156,000,000,000
			%	223.04%	141.14%
1.5	Tỷ số Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu	= Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu	=	347,937,186,084	220,181,656,806
				155,001,969,940	144,496,079,390
	(Hệ số nợ trên vốn chủ)		%	224.47%	152.38%
1.6	Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	= Nợ phải trả / Tổng tài sản	=	347,937,186,084	220,181,656,806
				502,939,156,024	364,677,736,196
	(Hệ số nợ)		%	69.18%	60.38%
1.7	Tốc độ tăng tổng tài sản	= (Tổng tài sản cuối kỳ - Tổng tài sản đầu kỳ) / Tổng tài sản đầu kỳ	=	138,261,419,828	0
				364,677,736,196	0
			%	37.91%	0.00%
2.	Khả năng thanh toán				
2.1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát	= Tổng tài sản / Nợ phải trả	=	502,939,156,024	364,677,736,196
				347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	1.45	1.66
2.2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	= Tài sản ngắn hạn	=	465,022,888,629	317,446,304,243

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán		Kỳ này	Kỳ trước
		Nợ ngắn hạn		347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	1.34	1.44
2.3	Tỷ lệ thanh toán nhanh	= Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	=	300,433,946,544	188,464,412,315
				347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	0.86	0.86
2.4	Tỷ lệ thanh toán tức thời	= Tiền và các khoản tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	=	31,293,457,719	10,597,757,773
				347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	0.09	0.05
2.5	Hệ số khả năng chi trả	= Số tiền thuần lưu chuyển trong kỳ / Nợ ngắn hạn	=	14,447,119,977	11,830,284,290
				347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	0.04	0.05
2.6	Khả năng thanh toán lãi vay	= Lợi nhuận trước thuế / Chi phí lãi vay	=	10,505,890,550	5,865,559,146
				8,403,859,389	9,125,383,587
			lần	1.25	0.64
2.7	Tỷ số đảm bảo nợ				
	Tỷ số đảm bảo nợ dài hạn	= Tài sản dài hạn / Nợ dài hạn	=	37,916,267,395	47,231,431,953
				0	0
			lần	0.00	0.00
	Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn	= Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	=	465,022,888,629	317,446,304,243
				347,937,186,084	220,181,656,806
			lần	1.34	1.44
3.	Chỉ số sinh lời				
3.1	Tỷ suất Lợi nhuận / Doanh thu				
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	= Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	=	10,505,890,550	5,865,559,146
				923,117,777,759	1,014,343,380,698
			%	1.14%	0.58%
	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	= Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	=	55,115,552,681	44,612,368,448
				923,117,777,759	1,014,343,380,698
			%	5.97%	4.40%
3.3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	= Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	10,505,890,550	0
				433,808,446,110	0

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán		Kỳ này	Kỳ trước
			%	2.42%	0.00%
3.4	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	= Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	10,505,890,550	0
				149,749,024,665	0
			%	7.02%	0.00%
3.5	Tỷ lệ Hoàn vốn đầu tư (ROI)	= Lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn đầu tư bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	10,505,890,550	0
				156,000,000,000	0
			%	6.73%	0.00%
3.6	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	= Lợi nhuận sau thuế kỳ này - Lợi nhuận sau thuế kỳ trước / Lợi nhuận sau thuế kỳ trước	=	4,640,331,404	0
				5,865,559,146	0
			%	79.11%	0.00%
4.	Chỉ số hoạt động				
4.1	Số vòng quay các khoản phải thu	= Doanh thu thuần / Số dư bình quân các khoản phải thu [(ĐK+CK)/2]	=	923,117,777,759	0
				221,680,863,376	0
			lần	4.16	-
	Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải thu)		ngày	86.45	#DIV/0!
4.2	Số vòng quay các khoản phải trả	= Giá vốn hàng bán / Số dư bình quân khoản phải trả người bán [(ĐK+CK)/2]	=	868,002,225,078	0
				157,573,379,743	0
			lần	5.51	-
	Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải trả)		ngày	65.35	#DIV/0!
4.3	Số vòng quay hàng tồn kho	= Giá vốn hàng bán / Mức tồn kho bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	868,002,225,078	0
				146,785,417,007	0
			lần	5.91	-
	Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay hàng tồn kho)		ngày	60.88	#DIV/0!
4.4	Số vòng quay vốn lưu động	= Doanh thu thuần / Vốn lưu động bình	=	923,117,777,759	0
				391,234,596,436	0

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán		Kỳ này	Kỳ trước
		quân [(ĐK+CK)/2]			
	Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay vốn lưu động)		lần	2.36	-
			ngày	152.57	#DIV/0!
4.5	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	= Doanh thu thuần / Tài sản cố định bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	923,117,777,759	0
				38,982,643,424	0
			lần	23.68	-
4.6	Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	= Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	923,117,777,759	0
				433,808,446,110	0
			lần	2.13	-
4.7	Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	= Doanh thu thuần / Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	923,117,777,759	0
				149,749,024,665	0
			lần	6.16	-
4.8	Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	= Doanh thu thuần / Vốn đầu tư của chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	923,117,777,759	0
				156,000,000,000	0
			lần	5.92	-
4.9	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	= Doanh thu thuần kỳ này - Doanh thu thuần kỳ trước / Doanh thu thuần kỳ trước	=	(91,225,602,939)	0
				1,014,343,380,698	0
			%	-8.99%	0.00%
5.	Khả năng tăng trưởng				
	Tỷ số lợi nhuận tích lũy	= Lợi nhuận sau thuế / Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	=	10,505,890,550	5,865,559,146
				(13,275,666,288)	(23,781,556,838)
			%	-79.14%	-24.66%
	Tỷ số tăng trưởng bền vững	= Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / Nguồn vốn chủ sở hữu	=	(13,275,666,288)	(23,781,556,838)
				155,001,969,940	144,496,079,390
			%	-8.56%	-16.46%

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
6.	**Hệ số cân đối vốn**			
	Vốn luân chuyển	= **Nợ dài hạn + Nguồn vốn chủ sở hữu - Tài sản dài hạn** =	**117,085,702,545**	**97,264,647,437**
	Vốn lưu động thuần	= **Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn** =	**117,085,702,545**	**97,264,647,437**

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ phần chứng khoán:

Loại chứng khoán	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Chứng khoán phổ thông	557	8,484,840	54,39 %
Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng	12	7,115,160	45.61%
Tổng số	569	15,600,000	100 %

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông:

Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cá nhân trong nước	565	7,696,000	49,67 %
Cá nhân nước ngoài	–	–	–
Pháp nhân trong nước	4	7,904,000	50,67 %
Pháp nhân nước ngoài	–	–	–
Tổng số	569	15,600,000	100 %

Cơ cấu cổ đông theo bộ phận:

Bộ phận	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)

Ban quản lý công ty	14	5,112,640	32,77 %
Cán bộ công nhân viên	120	1,351,688	8,66 %
Cổ đông nhà nước	2	5,616,000	36,00 %
Không thuộc bộ phận nào	437	–	22,57 %
Tổng số	569	15,600,000	100%

Cơ cấu vốn góp: Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu như sau:

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ % nắm giữ
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	4.992.000	32 %
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	624.000	4 %
3	Công ty CP COKYVINA	1.248.000	8 %
4	Tổ chức và các nhân khác	8.736.000	56 %
	Tổng cộng	15.600.000	100 %

(VĐL 156 tỷ đồng đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính kiểm toán)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

e) Các chứng khoán khác : Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

IV. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2015

1. Định hướng hoạt động năm 2015

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

1.1. Nhận định về bối cảnh chung:

- Kinh tế Việt nam dần ổn định và tăng trưởng.
- Tình hình thế giới có nhiều biến động tác động nên giá vật tư thay đổi khó lường.
- Thị trường cáp quang trong nước tiếp tục nhu cầu cao.

- Thị trường Dây, Cáp điện, thiết bị điện bắt đầu phục hồi nhưng cạnh tranh khốc liệt.

1.2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016
1	Doanh thu	923.117	660.000
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.505	11.559
3	Vốn điều lệ bình quân	156.000	156.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia	Không chia
5	Quỹ tiền lương/Thù lao HĐQT và BKS	0	○ 3% lợi nhuận sau thuế nếu lãi vượt kế hoạch và đã bù hết lỗ luỹ kế ○ Hoặc 2% Lợi nhuận trước thuế (trước khi bù lỗ) nếu kinh doanh có lãi như kế hoạch nhưng chưa bù hết lỗ lũy kế và sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua tại đại hội thường niên.

1.3. Định hướng đầu tư:

- Công ty định hướng tìm kiếm cơ hội phát triển sản phẩm mới cho chiến lược lâu dài, ví dụ: "Sản phẩm công tơ điện tử dùng cho các hộ gia đình".
- Cân nhắc thời điểm loại bỏ dây chuyền Cáp đồng qua hình thức thanh lý máy móc, đồng thời đầu tư bổ sung một số thiết bị cho xưởng dây điện nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh tăng tính đa dạng của sản phẩm.

1.4. Một số giải pháp:

- Tiếp tục tận dụng cơ hội bùng nổ cáp quang, tăng cường liên kết hợp tác để có công suất liên kết sản xuất đạt 300% so với năng lực tại Nhà máy thực tế.
- Tập trung phát triển thị trường dây điện, thu hẹp kênh thị trường điện thoại.
- Kinh doanh thương mại theo phương thức mua đứt bán đoạn không tổ chức kênh phân phối, hạn chế tồn kho và có lãi (dù ít hay nhiều).
- Kiểm soát giá đầu vào hạn chế tác động tiêu cực do sự biến động của thị trường vật tư.

1.5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2015: Không chia.

1.6. Nội dung 3: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2015:

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHCĐ giao cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán lớn, có uy tín nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCK nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các doanh nghiệp đã niêm yết để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2016.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Mạnh Thắng	1963	Hà Nội	Thạc sỹ	Chủ tịch HĐQT đến ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015	2,516,800	16,13 %
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT đến ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**2,496,000**	
2	Lê Thanh Sơn	1961	Hà Nội	Cử nhân kinh tế	Chủ tịch HĐQT từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015	1,872,000	12%
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,872,000**	
2	Ngô Hồng Quân	1973	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc	1,616,160	10,36 %

	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,560,000**	
	Đỗ Nguyệt Ánh	1972	Hà Nội	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT	634,400	4,07 %
3	**Trong đó đại diện phần vốn của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc:**					624,000	
4	Phạm Ngọc Ninh	1960	Nam Định	Kỹ sư kinh tế thông tin	Ủy viên HĐQT	1,248,000	8,00%
	Trong đó đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần COKYVIA:					**1,248,000**	
5	Trần Xuân Thái	1970	Hà Nội	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT- Phó TGĐ	1,580,800	10,13%
	Trong đó đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT từ ngày 19/05/2015 theo Quyết định số 103/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCBLĐ ngày 19/05/2015 của Tập đoàn VNPT:					**1,560,000**	
8	Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT- Phó TGĐ	10,400	0,07 %
9	Đinh Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	Ủy viên HĐQT	3,120	0,02 %
Tổng cộng						**7,115,160**	**45,61%**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Hội đồng quản trị đã chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
    - Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
    - Làm biên bản các cuộc họp;
    - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

** Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:*

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	Thôi tham gia HĐQT từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015
	Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	1/1	100%	Tham gia HĐQT từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015
2	Ông Ngô Hồng Quân	Ủy viên/ Tổng giám đốc	3/3	100%	
3	Bà Đỗ Nguyệt Ánh	Ủy viên HĐQT	2/3	66,6%	Bận công tác
4	Ông Phạm Ngọc Ninh	Ủy viên HĐQT	3/3	100%	
5	Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	3/3	100%	
6	Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	2/3	66,6%	Bận công tác
7	Ông Đinh Quang Hữu	Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	2/3	66,6%	Bận công tác

** Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị*

Ngày tháng	Số NQ/QĐ	Nội dung
Ngày 30/01/2015	40/15/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 21
Ngày 30/3/2015	042/15/NQ-HDQT	Nghị Quyết của HĐQT về (Về việc thông qua theo ý kiến bằng văn bản của các TVHĐQT: "Quy chế quản lý cán bộ đại diện của Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP tại doanh nghiệp khác" và "Quy chế lao động tiền lương của Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP")
Ngày 16/5/2015	46/15/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 22
Ngày 11/6/2015	56/15/NQ-ĐHĐCĐ	Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015
Ngày 02/11/2015	58/15/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 23

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Lê Thanh Bình	1963	Thanh Hóa	Thạc sỹ	Trưởng Ban kiểm soát (Thôi tham gia BKS từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015)	5,200	0,03 %
2	Đỗ Thị Kim Liên	1979	Phú Thọ	Cử nhân	Trưởng Ban kiểm soát (Tham gia BKS từ ngày 11/06/2015 theo Nghị Quyết số 56/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2015)	0	0

3	Nguyễn Mạnh Hà	1959	Tuyên Quang	Thạc sỹ	Thành Viên BKS	11,440	0,07 %
4	Trần Thị Tuyết Mai	1971	Quảng Trị	Cử nhân	Thành Viên BKS	23,920	0,15 %
Tổng cộng						40,560	0,25%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương,thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Năm 2015: HĐQT và Ban kiểm soát không sử dụng chi phí gì bằng nguồn chi phí của Công ty cho hoạt động của mình và không nhận tiền thù lao cho hoạt động của mình theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và cac quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về Kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được dự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của

các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

- Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty đã lập báo cáo tài chính tuân thủ đúng chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ HỒNG QUÂN

Liên hệ VINACAP:
Mr Lê Anh Xuân – Thư ký HĐQT
Điện thoại: 04.35377989 – Fax: 04.35377988
Mobile: 0919.26.85.85 – Email: xuanla@vinacap.vn